

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-CNXD  
V/v kế hoạch đền bù, hỗ trợ,  
giải tỏa trong phạm vi đất của  
đường bộ và hành lang an  
toàn đường bộ tại các nút  
giao, các vị trí tiềm ẩn nguy  
cơ mất an toàn giao thông trên  
QL.24B, QL.24C, địa phận  
tỉnh Quảng Ngãi năm 2020

Quảng Ngãi, ngày tháng 6 năm 2019

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam

Theo ý kiến của Tổng cục Đường bộ Việt Nam tại Công văn số 3253/TCĐBVN-QLBTĐB ngày 28/5/2019 và trên cơ sở báo cáo của Sở Giao thông vận tải Quảng Ngãi tại Công văn số 1487/SGTVT-QLGT ngày 12/6/2019, UBND tỉnh Quảng Ngãi xây dựng kế hoạch đền bù, hỗ trợ, giải tỏa trong phạm vi đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ tại các nút giao, các vị trí tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông trên Quốc lộ 24B, Quốc lộ 24C, địa phận tỉnh Quảng Ngãi năm 2020, cụ thể như phụ lục gửi kèm theo.

Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam tổng hợp, báo cáo Bộ Giao thông vận tải./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ Giao thông vận tải (b/cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Giao thông vận tải;
- VPUB: CVP, TH, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD.npb.451.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tăng Bính**

**Phụ lục**

**TỔNG HỢP KHÁI TOÁN KINH PHÍ ĐÈN BÙ, HỖ TRỢ, GIẢI TỎA TRONG PHẠM VI ĐẤT CỦA ĐƯỜNG BỘ VÀ HÀNH LANG AN TOÀN ĐƯỜNG BỘ TẠI CÁC NÚT GIAO, CÁC VỊ TRÍ TIỀM ẨN NGUY CƠ MẤT AN TOÀN GIAO THÔNG TRÊN QL.24B, QL.24C, ĐỊA PHẬN TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2020**

*(Kèm theo Công văn số 3539/UBND-CNXD ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

| TT       | Vị trí              | Sự cần thiết   | Mức độ ưu tiên | Quy mô (m <sup>2</sup> /md)          |                       | Dự kiến khối lượng chính   | Dự kiến kinh phí (triệu đồng)        |                | Thời gian thực hiện | Ghi chú    |
|----------|---------------------|--|----------------|--------------------------------------|-----------------------|--|--------------------------------------|----------------|---------------------|------------|
|          |                     |  |                | Phạm vi đất bảo vệ, bảo trì đường bộ | Phạm vi HLATĐB        |  | Phạm vi đất bảo vệ, bảo trì đường bộ | Phạm vi HLATĐB |                     |            |
|          | <b>Tổng cộng</b>    |  |                | <b>6.563,1/7.538</b>                 | <b>72.956,4/8.319</b> |  | <b>2.586</b>                         | <b>23.753</b>  |                     |            |
| <b>I</b> | <b>QL.24B</b>       |  |                | <b>6.414,3/5.964</b>                 | <b>50.612,2/5.609</b> |  | <b>2.528</b>                         | <b>19.808</b>  |                     |            |
| 1        | Km7+00 – Km16+151   | Khu vực đông dân cư, xen kẽ đồng ruộng, đoạn qua khu vực quanh cua gấp, che khuất tầm nhìn, mặt đường hẹp tiềm ẩn nguy cơ mất ATGT | Ưu tiên 2      | 448,7/436                            | 4.125/464             | Đất ở và các công trình phụ trợ như: nhà, mái che, tường rào, mộ, cây ăn quả, trụ công,...                   | 642                                  | 8.855          | 2019 - 2020         | Trái       |
| 2        | Km40+337 – Km46+125 | Mặt đường hiện trạng bị hư hỏng, ngã ba khu vực đông dân cư che khuất tầm nhìn   | Ưu tiên 2      | 54,5/65                              | 580,1/65              | Đất ở và các công trình phụ trợ như: nhà, mái che, tường rào, mộ, cây ăn quả,...                             | 14                                   | 782            | 2019 - 2020         | Trái       |
| 3        | Km51+779 – Km60+688 | Khu vực dân cư đông, cua gấp khúc khuất tầm nhìn, ngã ba giao nhau   | Ưu tiên 2      | 4.792,7/3.504                        | 38.047/3.504          | Đất gồm: đất ở, ao, vườn, đất nông nghiệp và các công trình phụ trợ như: chuồng trâu, bò, heo, tường rào,... | 1.224                                | 8.377          | 2019 - 2020         | Cả hai bên |

| TT        | Vị trí                                    | Sự cần thiết   | Mức độ ưu tiên | Quy mô (m <sup>2</sup> /md)          |                       | Dự kiến khối lượng chính  | Dự kiến kinh phí (triệu đồng)        |                | Thời gian thực hiện | Ghi chú    |
|-----------|---|--|----------------|--------------------------------------|-----------------------|---|--------------------------------------|----------------|---------------------|------------|
|           |   |  |                | Phạm vi đất bảo vệ, bảo trì đường bộ | Phạm vi HLATĐB        |   | Phạm vi đất bảo vệ, bảo trì đường bộ | Phạm vi HLATĐB |                     |            |
| 4         | Km60+688 – K63+800 và Km66+800 – Km68+461 | Địa hình dốc, cua gấp khúc, khuất tầm nhìn, nhiều nguy hiểm                        | Ưu tiên 2      | 620,8/710                            | 2.774,1/327           | Đất gồm: đất ở, đất nông nghiệp và các công trình phụ trợ như: nhà cấp IV, chuồng trâu, bò, giếng, cột điện, cây hàng năm và cây ăn quả,... | 391                                  | 938            | 2019 - 2020         | Trái       |
| 5         | Km74+041 – Km79+00                        | Khu dân cư đông che khuất tầm nhìn   | Ưu tiên 2      | 156,1/135                            | 1.411/135             | Đất ở và các công trình phụ trợ như: nhà, mái che, tường rào, mộ, cây ăn quả,...  | 64                                   | 529            | 2019 - 2020         | Phải       |
| 6         | Km92+074 – Km98+778                       | Coi gấp khúc, địa hình dốc, khuất tầm nhìn, nhà ở ngay điểm gấp khúc, nhiều tầm ẩn | Ưu tiên 2      | 341,5/1.114                          | 3.675/1.114           | Đất nông nghiệp và các công trình phụ trợ như: nhà, mái che, cây ăn quả,...   | 193                                  | 327            | 2019 - 2020         | Trái       |
| <b>II</b> | <b>QL.24C</b>                             |  |                | <b>148,8/1.574</b>                   | <b>22.344,2/2.710</b> |   | <b>58</b>                            | <b>3.945</b>   |                     |            |
| 1         | Km51+048 – Km70+921                       | Đường hẹp che khuất tầm nhìn, quanh cua gấp  | Ưu tiên 2      | 148,8/362                            | 12.407,9/1.498        | Đất gồm: đất ở, đất nông nghiệp và các công trình phụ trợ như: tường rào, cây ăn quả,...  | 37                                   | 3.187          | 2019 - 2020         | Cả hai bên |
| 2         | Km70+921 – Km80+365                       | Quanh cua gấp, đường hẹp che khuất tầm nhìn đèo dốc                                | Ưu tiên 2      | 0/1.212                              | 9.936,3/1.212         | Đất gồm: đất ở, đất nông nghiệp và các công trình phụ trợ như: nhà, mái che, tường rào, mộ, cây ăn quả,...                                  | 21                                   | 758            | 2019 - 2020         | Trái       |